

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ R
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 02/8/2021
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Văn Liêm

Ông Nguyễn Lý Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 114/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 79/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh ngày: 20/10/1981; Nơi cư trú: Tổ dân phố HD, phường CPB, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Hoàng Nhật T, sinh ngày: 10/01/1980; Nơi cư trú: Tổ dân phố XN, phường CPN, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 15/4/2021 và bản tự khai ngày 05/5/2021, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:* Bà và ông Hoàng Nhật T tự nguyện tìm hiểu, kết hôn, chung sống và được Ủy ban nhân dân phường CPB, thành phố R cấp giấy chứng nhận kết hôn số 67/2012 quyền số 02/2011 ngày 17/12/2012.

Trong quá trình chung sống khoảng 02 năm đầu vợ chồng sống bình thường, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Do tính tình không hợp, ông T không chăm lo làm ăn, một mình bà phải đi làm nuôi con và duy trì cuộc sống hàng ngày trong gia đình. Từ tháng 10 năm 2020, bà và ông T không còn sống chung với nhau. Nay bà không còn tình cảm với ông T và không thể tiếp tục chung sống với ông T được nữa. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung Hoàng Gia Tr, sinh ngày: 17/8/2013. Từ khi sinh con ra đến nay một mình bà đi làm nuôi con nên bà yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, bà có nhà cửa ổn định và làm nghề buôn bán hải sản, thu nhập đủ khả năng để nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Bà và ông T không nợ.

* Bị đơn ông Hoàng Nhật T có mặt tại địa phương, đã được Tòa án tiến hành đầy đủ các thủ tục theo pháp luật tố tụng dân sự nhưng ông T cố tình vắng mặt, không đến Tòa để cung cấp lời khai cũng như tham gia vào các phiên hòa giải, xét xử.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R:*

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà H.

** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:* Giấy chứng nhận kết hôn số 67/2012 quyền số 02/2011 ngày 17/12/2012 (bản chính); Giấy khai sinh cháu Tr (bản sao); Sổ hộ khẩu chủ hộ đứng tên bà H (bản sao); Giấy chứng minh nhân dân mang tên bà H (bản sao); Biên bản xác minh ngày 29/4/2021, 09/6/2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:
Đây là vụ án hôn nhân gia đình về “Ly hôn” mà bị đơn có nơi cư trú tại thành phố R theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố R.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Ngày 01/7/2021, nguyên đơn bà H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu của bà H là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn ông T nhưng ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà H và ông T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân phường CPB, thành phố R cấp giấy chứng nhận kết hôn số 67/2012 quyền số 02/2011 ngày 17/12/2012 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng hạnh phúc một thời gian ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn; do vợ chồng không thông cảm chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống; không thi yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và hiện nay bà H không còn tình cảm với ông T. Do đó, bà H yêu cầu được ly hôn với ông T. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T đến Tòa để trình bày ý kiến, tham gia hòa giải, xét xử nhưng ông T không chấp hành, thể hiện thái độ thờ ơ, bỏ mặc cuộc sống hôn nhân của ông bà. Tại Biên bản xác minh ngày 09/6/2021, chính quyền địa phương cung cấp: “Bà H, ông T có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì chính quyền địa phương không biết do bà H, ông T không thông báo cũng như hòa giải tại địa phương.” Xét thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thi yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, có nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng ông T, bà H đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà H yêu cầu được ly hôn với ông T là có cơ sở, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà H.

[2.2] *Về con chung:* Bà H và ông T có 01 con chung Hoàng Gia Tr, sinh ngày: 17/8/2013. Bà H yêu cầu được nuôi con chung. Xét: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng, giáo dục sau khi bố mẹ ly hôn là nhằm phát triển tốt cho con cả về mặt thể chất lẫn tinh thần. Cháu Tr là nữ có nguyện vọng được sống cùng với mẹ và hiện nay đang sống cùng với mẹ. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, cần giao con chung Gia Tr cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] *Về tài sản chung:* Bà H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí:* Bà H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về “Ly hôn”.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban H vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H được ly hôn ông Hoàng Nhật T.

2. Về con chung: Bà Lê Thị H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Hoàng Gia Tr, sinh ngày: 17/8/2013.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị H không yêu cầu ông Hoàng Nhật T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp chăm sóc nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Lê Thị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Bà Lê Thị H phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về “Ly hôn” nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006427 ngày 26/4/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố R. Bà H đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Bà Lê Thị H, ông Hoàng Nhật T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND t.p R;
- CCTHADS t.p R;
- UBND phường CPB, t.p R, tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Công